

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2024

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiên Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thu.

Bà Trần Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/202/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Huyền T**, sinh năm 1996.

Nơi thường trú: **Xóm C, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.**

- Bị đơn: Anh **Vũ Đức N**, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Xóm D, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.**

Hiện trú tại Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là chị **Trần Thị Huyền T** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Vũ Đức N** tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 06/7/2022 tại **Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.** Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời

gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, cả hai bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Hiền anh **N** đang sinh sống tại Nhật Bản. Khoảng cách xa xôi, anh chị không liên hệ, không quan tâm tới nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc chị **T** đề nghị Tòa án xử lý hôn nhân **N**.

- Về con chung, tài sản chung: Quá trình chung sống, anh chị không có con chung, tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã gửi đơn khởi kiện ly hôn của chị **T**, tài liệu kèm theo và văn bản tố tụng cho anh **Vũ Đức N** thông qua bố đẻ là ông **Vũ Đức N1**. Ông **N1** trình bày hiện anh **N** đang cư trú tại Nhật Bản ông không biết địa chỉ cụ thể nhưng anh **N** thường xuyên liên lạc với ông qua điện thoại. Ông **N1** cam kết nhận và thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho anh **N**. Đến nay anh **N** không có văn bản trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị **T**, không có yêu cầu phản tố. Anh **N** vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử lý hôn giữa chị **Trần Thị Huyền T** và anh **Vũ Đức N**. Án phí ly hôn: Chị **T** phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh **Vũ Đức N** đăng ký hộ khẩu thường trú tại **xóm D, xã X, huyện X** hiện sinh sống tại: Nhật Bản. Chị **Trần Thị Huyền T** có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh **N**, căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc giải quyết tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Chị **T** có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt giấy báo phiên tòa cho anh **N** thông qua người thân nhưng anh **N** hai lần vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị **T**, anh **N**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Huyền T** và anh **Vũ Đức N** tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/7/2022 tại **Ủy ban nhân dân xã**

X, huyện X, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, mặc dù nhiều lần hàn gắn nhưng không tiến triển. Chị T trình bày mâu thuẫn hai bên ngày càng trầm trọng, hai bên không tìm được cách hàn gắn mối quan hệ. Anh N sang Nhật Bản sinh sống, cả hai không liên lạc, không còn quan tâm tới nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: Chị T trình bày anh chị chưa có con chung; không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Thông qua người thân, anh N được thông báo văn bản tố tụng của Tòa án và đơn khởi kiện của chị T nhưng không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không giải quyết về con chung, tài sản chung và công nợ chung

[4] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Huyền T và anh Vũ Đức N.

2. Án phí: Chị Trần Thị Huyền T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005740 ngày 24/4/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã Xuân Đài;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng